

Quảng Xương, ngày 19 tháng 11 năm 2019

Số: 13/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 38/2019/TLST-DS ngày 01/7/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: Số 25 T, phường P, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch hội đồng của Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó Tổng Giám đốc theo Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-SeABank của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ ngày 20/4/2018.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L – Chuyên viên xử lý nợ miền Trung theo Giấy ủy quyền số 6443A/2019/UQ-SeABank ngày 16/5/2019 của Ngân hàng TMCP Đ.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K - Sinh năm 1967

Bà Bùi Thị T – Sinh năm 1973

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 20/6/2018 Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ) – chi nhánh Thanh Hóa và ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị T thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF 1815800245/HDTD/TRƯỜNG THI – NVK, với nội dung: Ngân hàng Đ cho ông K, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn); thời hạn vay 06 tháng (từ ngày

20/6/2018 đến ngày 20/12/2018); mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình thủy lợi; mức lãi suất cho vay: trong hạn áp dụng đối với số tiền nhận nợ lần này tại thời điểm giải ngân là 10,7%/năm. Lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời gian vay. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; và/hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ngày 20/6/2018 Ngân hàng Đ và ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N04010301/F02 ngày 20/6/2018 (Công chứng số 3018, quyền số 03TP/CC-SCC/HDGD tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia) thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn N, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa, gồm 1000,1m² đất (bao gồm: 900m² đất ở có thời hạn sử dụng lâu dài; 100,1m² đất trồng cây ăn quả lâu năm có thời hạn đến năm 2044) tại thửa số 320, tờ bản đồ số 06, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU332284, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH- 00379 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 21/5/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị T.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2018 Ngân hàng Đ đã giải ngân cho ông K, bà T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo Giấy nhận nợ số REF1815800245.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đối với Ngân hàng Đ từ ngày 29/01/2019 nên Ngân hàng Đ đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 11/11/2019, ông K bà T còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký là **950.680.281đ** (trong đó nợ gốc 829.570.257đ, nợ lãi trong hạn 2.682.036đ lãi phạt chậm trả trên số nợ lãi trong hạn là 238.077đ, nợ lãi quá hạn 118.189.911đ).

2.2. Phương thức và thời gian trả nợ cụ thể:

- Ngày 16/12/2019, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ngày 15/01/2020, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ngày 14/02/2020, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ngày 16/03/2020, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng Đ và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF 1815800245/HDTD/TRƯỜNG THI – NVK đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày 12/11/2019 ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số REF 1815800245/HDTD/TRƯỜNG THI – NVK cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T vi phạm bất kỳ kỳ cam kết trả nợ nào (trả không đúng hoặc không đủ) theo thỏa thuận cam kết nêu trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay. Cụ thể: là quyền sử dụng 1000,1m² đất (bao gồm: 900m² đất ở có thời hạn sử dụng lâu dài và 100,1m² đất trồng cây ăn quả lâu năm có thời hạn đến năm 2044) và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 320, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU332284, Sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH-00379 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 21/5/2014 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số số N04010301/F02 ngày 20/6/2018 (Công chứng số 3018, quyền số 03TP/CC-SCC/HDGD tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia)

Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Đ, thì ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T phải chịu 20.260.204đ (hai mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm linh bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.278.787đ (mười chín triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng chẵn) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001620 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Tuấn

